TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2020/QĐST- HNGĐ	*Quảng Xương, ngày 04 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-VDS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Mai Việt N, sinh năm 1977.

Chị Trần Thị Th, sinh năm 1978.

Đều có nơi cư trú: Thôn Ư, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Mai Việt N và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 06/03/2001 tại UBND xã Q, huyện Q, Thanh Hóa, vì vậy hôn nhân giữa anh N và chị Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng nhau về quan điểm sống; không có tiếng nói chung. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau. Tòa án tiến hành hòa giải cho các bên về đoàn tụ nhưng anh, chị xét thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội,

phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh và chị.

[2] Về con chung: Anh N và chị Th có 01 con chung là cháu Mai Thị Thùy Tr sinh ngày 25/06/2001. Do cháu Tr đã trưởng thành nên anh N và chị Th thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Anh N và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh N và chị Th thỏa thuận, anh N nộp toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy thỏa thuận của anh, chị là phù hợp, tự nguyện nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (25/02/20209), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Việt N và chị Trần Thị Th.

- Về con chung: Anh Mai Việt N và chị Trần Thị Th có 01 con chung là cháu Mai Thị Thùy Tr sinh ngày 25/06/2001. Do cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Mai Việt N và chị Trần Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng Anh đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001986 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Chi cục THA huyện Quảng Xương;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Dung